

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 03/01/2023

V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** bà Quách Tố Giang.

**Các Thẩm phán:** bà Nguyễn Thị Minh Phượng;  
ông Nguyễn Ngọc Tuấn.

- **Thư ký phiên tòa:** ông Ngô Huỳnh Đức – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:** ông Dương Quy Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số 28/2022/TLPT-HNGĐ ngày 01/11/2022 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Do Bản án sơ thẩm số 208/2022/HNGĐ-ST ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 21/2022/QĐ-PT ngày 16/11/2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** ông A, sinh năm 1973, cư trú: số 08, tổ 01, ấp N, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:** Luật sư T, Cty TNHH MTV T, Đoàn Luật sư tỉnh An Giang; địa chỉ Văn phòng: số 16 K, phường B, thành phố X, tỉnh An Giang (có mặt)

- **Bị đơn:** bà Nguyễn Thanh Thủy, sinh năm 1974, cư trú: ấp N, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người kháng cáo: nguyên đơn ông A.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung án sơ thẩm:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và tại các phiên hòa giải ông A trình bày: Ông và bà B cưới nhau vào năm 1992, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban xã M, huyện C, tỉnh An Giang năm 2004. Hôn nhân do tự tìm hiểu và được cha mẹ đồng ý; Vợ chồng chung sống đến 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ ghen tuông nên xảy ra xô xát; từ đó vợ chồng không còn chung sống từ tháng 04/2022 đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm không còn nên ông xin ly hôn với B.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung C, sinh ngày 01/01/1993 (đã thành niên), không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Không có.

Bị đơn bà B trình bày: Thống nhất với ông A thời gian chung sống, thời gian xảy ra mâu thuẫn 2015 do khi bà hỏi chồng về người phụ nữ khác mà ông A quen, thì ông A đánh bà gây thương tích phải đi nhập viện, chồng bà có người phụ nữ khác, bà bắt được hai người ở chung trong căn nhà trọ, có chụp hình ảnh kèm theo, nhưng bà tha thứ cho ông A. Nay, chồng bà xin ly hôn, bà không đồng ý ly hôn vì còn thương chồng và lo cho con và phụng dưỡng cha mẹ chồng.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung C, sinh ngày 01/01/1993 (đã thành niên) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

- Về quan hệ nợ chung: Không có.

Tại Bản án sơ thẩm số 208/2022/HNGĐ-ST ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A xin ly hôn với bà B.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/8/2022, ông A kháng cáo yêu cầu xin ly hôn với bà B.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông A, Luật sư T trình bày tranh luận: hôn nhân phải trên tinh thần tự nguyện, tôn trọng, yêu thương giúp đỡ nhau. Trong vụ án này, giữa nguyên đơn và bị đơn từ năm 2015 đã phát sinh mâu thuẫn do chị B ghen tuông, đỉnh điểm là vào tháng 4 năm 2022. Hai vợ chồng đã không còn sống chung. Trong gia đình, ông A không được tôn trọng, vợ chồng bất đồng quan điểm, tạo áp lực cho nhau. Ông A đã cố gắng hàn gắn từ năm 2015 nhưng không được. Vì vậy, theo quy định tại Nghị quyết số 02 của

Hội đồng Thẩm phán đã đủ điều kiện để ly hôn. Án sơ thẩm nhận định không cho ly hôn căn cứ chưa rõ, việc chăm sóc cha mẹ chồng không chỉ là nghĩa vụ của chị B trong khi gia đình đông người. Hằng ngày, chị B đi làm và có thu nhập ổn định. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông A, sửa Bản án sơ thẩm, cho ông A và chị B ly hôn.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:*

- Về tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi xét xử. Các đương sự, người tham gia tố tụng khác cũng đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết đối với Bản án sơ thẩm có kháng cáo: ông A kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới để xem xét. Nhằm tạo điều kiện cho nguyên đơn và bị đơn hàn gắn nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông A, giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử.

[2] Xét nội dung vụ án và kháng cáo của ông A:

Ông A và bà B xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống từ năm 1992, được sự đồng ý của hai bên gia đình và có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn vào ngày 21/3/2014 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang. Quá trình chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Ông A cho rằng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm không còn nên khởi kiện xin ly hôn. Bà B cho rằng phát sinh mâu thuẫn do ông A có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và năm 2015, ông A đánh bà gây thương tích phải nhập viện, nhưng bà tha thứ, không đồng ý ly hôn vì còn lo cho con và thương chồng.

Xét thấy: hôn nhân là mối quan hệ giữa vợ và chồng sau khi đăng ký kết hôn. Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Mâu thuẫn giữa ông A và bà B phát sinh từ năm 2015, bà B bị đánh đến phải nhập viện. Từ tháng 4 năm 2022, vợ chồng đã không còn sống chung. Cho thấy hôn nhân giữa ông A và bà B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, đủ căn cứ cho ly hôn theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định việc ly hôn ảnh hưởng mối quan hệ sinh hoạt gia đình, không ai chăm sóc cha mẹ chồng để làm căn cứ không chấp nhận ly hôn là chưa chính xác. Kháng cáo của ông A có cơ sở nên chấp nhận

[3] Về án phí phúc thẩm: do sửa bản án sơ thẩm nên ông A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận kháng cáo của ông A.

Sửa Bản án hôn nhân sơ thẩm số 208/2022/HNGĐ-ST ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A.

1. Về quan hệ hôn nhân: ông A được ly hôn với bà B.

Giấy chứng nhận kết hôn số 84 ngày 21/3/2014 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: có một con chung tên C, sinh ngày 01/01/1993 (đã thành niên), không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông A và bà B xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có người khởi kiện và xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung bà B và ông A trong thời kỳ hôn nhân thì bà B và ông A phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông A phải chịu án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng; theo biên lai thu số 0004714 ngày 02/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang. Ông A đã nộp xong.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: ông A không phải chịu, được nhận lại 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005513 ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và

Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- TAND Cấp cao tại TP.HCM (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- TAND huyện C (1);
- THADS huyện C (1);
- Tòa Gia đình và NCTN (1);
- Văn phòng (1);
- Phòng KTNV & THA (1);
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Quách Tố Giang**